

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày: 29- 06 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Văn Vĩnh

2. Ông Hoàng Anh Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2021/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 06 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn Th; sinh ngày 23/8/1984 tại: Xã Tr, huyện T, tỉnh T; nơi cư trú: Thôn X, xã Tr, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Xuân T và bà Dương Thị A; Có vợ: Lê Thị B; có 2 con: Con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012 tiền án: Không; tiền sự: không, bị cáo bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 17/4/2021 đến ngày 20/4/2021, sau đó được thay bằng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”, Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Lê Văn L; sinh năm: 1991; Nơi cư trú: Thôn X, xã Tr, huyện T, tỉnh T. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Dương Thị H, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Thôn C xã Tr, huyện T, tỉnh T. Vắng mặt tại phiên tòa.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ, ngày 16/4/2021, Lê Văn Th sinh năm 1984, trú tại thôn X, xã Tr, huyện T, tỉnh T đi bộ đến nhà anh Lê Văn L sinh năm 1991 trú cùng thôn để

hỏi vay tiền nhằm phục vụ mục đích cá nhân. Khi đến nhà anh L thì Th thấy cửa cổng và cửa nhà anh L đều không khóa, Th vào nhà thì không thấy ai ở trong nhà. Th quan sát xung quanh nhà thấy phòng khách nhà anh L có để một chiếc ti vi nhãn hiệu SONY, màu đen, màn hình 55 inch thì Th nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ti vi này. Thực hiện ý định Th tiến lại gần chiếc ti vi rút phích cắm điện rồi dùng hai tay ôm chiếc ti vi trên mang ra khỏi nhà. Sau đó Th ôm chiếc ti vi trên mang đến nhà chị Dương Thị H sinh năm 1981 tại Thôn C, xã Tr, huyện T (Hà là chị họ của Th). Khi đến nơi Th gọi cửa thì chị H ra mở cửa, lúc này Th bê chiếc ti vi vào nói với chị H là: “Vợ em ôm chị cho em gửi cái ti vi ở đây, cho em vay ít tiền mai em quay lại lấy” thì được chị H đồng ý, rồi vào nhà lấy 1.500.000 đồng đưa cho Th. Th để ti vi lại rồi nhận tiền ra về sau đó chi tiêu hết số tiền trên.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày anh L đi chơi về thì phát hiện gia đình mình bị mất chiếc ti vi trên nên đã đến Công an xã Tr, huyện T trình báo sự việc. Ngày 17/4/2021 Lê Văn Th đã đến Công an xã Tr, huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Công an xã Tr đã tiếp nhận và chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu cùng người và tang vật đến Cơ quan điều tra Công an huyện T để tiến hành giải quyết theo thẩm quyền.

Tang vật thu giữ:

- 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY, màu đen, màn hình 55 inch, model No.KD – 55X7000G, 110V-240V, 173W do chị Dương Thị H giao nộp.

Theo kết luận định giá tài sản số: 16/HĐĐGTS-TT ngày 21/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T định giá kết luận: 01 ti vi nhãn hiệu SONY, màu đen, màn hình 55inch, model No.KD – 55X7000G, 110V-240V, 173W cũ đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm trộm cắp là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng)

Ngày 29/4/2021 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã trả lại 01 ti vi nhãn hiệu SONY, màu đen, màn hình 55inch, model No.KD – 55X7000G, 110V-240V, 173W cho anh Lê Văn L, anh L đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với chị Dương Thị H, khi cho Th để lại chiếc ti vi và cho Th vay tiền chị H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, khi Công an đến làm việc chị H đã tự nguyện giao nộp lại chiếc ti vi trên nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị H là phù hợp, qua trình điều tra chị H không yêu cầu Th phải trả lại số tiền 1.500.000 đồng mà chị đã cho Th vay.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKS-TT, ngày 08/6/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T đã truy tố Lê Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS để xử phạt Lê Văn Th từ 07 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra, đại diện Viện kiểm sát không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất với lời khai của bị cáo, về phần bồi thường thiệt hại đối với số tiền 1.500.000đ chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên nữa.

Tại phần tranh luận, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Th đã nhận tội như trong Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; biên bản thu, trả tang vật; hiện trường vụ án, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định đã có đủ căn cứ chứng minh: Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên vào khoảng 22 giờ ngày 16/4/2021, Lê Văn Th đã lợi dụng sơ hở, lén lút trộm cắp 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY, màu đen, màn hình 55inch, model No.KD – 55X7000G, 110V-240V, 173W cũ đã qua sử dụng của anh Lê Văn L tại Thôn X, xã Tr, huyện T có giá trị là 8.500.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lê Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 04 tình tiết giảm nhẹ là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “bị hại

xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” và “Đầu thú”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, cần xem xét khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình điều tra và tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải nên HĐXX xét thấy chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân tốt.

[4]. Kết quả điều tra, xác minh bị cáo Lê Văn Th hiện tại không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Đối với Dương Thị H là người đã nhận giữ chiếc tivi do bị cáo trộm cắp để cho vay tiền, do chị H không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên đã nhận giữ. Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Dương Thị H là phù hợp.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không xem xét.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Th 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Tr, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Áp dụng: Điều 136 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6, Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Lê Văn Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, có mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại vắng mặt. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Đội THAHS công an T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân